TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 82/2026/DS-ST Ngày 23-3-2026 V/v "Tranh chấp tiền hụi"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Hoàng Huy;

Ông Trần Công Đẳng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 2 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Nhẫn.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2025/TLST - DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm: 1963. CCCD số 096163005578.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Bích .

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

(Bà T có mặt, ông P, bà B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày: Vào năm 2019, bà có làm chủ hụi vợ chồng ông P và bà B có tham gia 01 dây hụi mở ngày 15/8/2019 âm lịch loại hụi 3.000.000 đồng mỗi tháng khui một lần, có 29 chân, ông P, bà B tham gia 02 chân, tên trong danh sách hụi là P, hụi đã hốt vào kỳ 14 của dây hụi. Từ lúc hốt hụi thì ông P, bà B không đóng tiền hụi cho bà. Số tiền hụi còn thiếu trong dây hụi là 15 kỳ của 02 chân x 3.000.000 đồng tổng cộng là 90.000.000 đồng.

Ông P, bà B vắng mặt quá trình tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị: Việc thay đổi 1 phần yêu cầu của bà T là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà B, ông P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T tổng số tiền hụi còn thiếu số tiền 84.000.000 đồng. Án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn đối với các bị đơn được xác định là tranh chấp dân sự về tiền hụi, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2 - C theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông P, bà B là bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông P, bà B.

[2] Về nội dung: Xét thấy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà T đòi tiền hụi bà B và ông P thì thấy rằng, các bị đơn từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, không có văn bản có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy, căn cứ tài liệu nguyên đơn cung cấp gồm danh sách hụi ngày 15/8/2019, và tại bản gốc tờ giấy học sinh có chữ ký của bên A là P, bên B là B có nội dung thể hiện hụi còn thiếu 15 lần, số tiền đóng mỗi tháng là 6.000.000 đồng, tổng số tiền là 90.000.000 đồng, bằng chữ tám mươi bốn triệu chẵn nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định, bà B ông P còn nợ tiền hụi của bà T là 15 lần của dây hụi mở ngày 15/8/2019 nên bà T kiện đòi tiền hụi còn thiếu đối với ông P và bà B là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu bà B, ông P trả số tiền hụi còn thiếu theo thừa nhận là 84.000.000 đồng theo chữ ghi, xét việc bà T thay đổi yêu cầu là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận. Do đó, buộc bà B, ông P liên đới thanh toán cho bà T số tiền hụi là 84.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự có giá ngạch: Yêu cầu của bà T được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Án phí dân sự bà B, ông P liên đới chịu là 84.000.000 đồng x 5% = 4.200.00 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn P. Buộc bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Trương Thị T số tiền hụi còn thiếu là 84.000.000 (T1 mươi bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn P liên đới chịu là 4.200.000 (Bốn triệu hai trăm ngàn) đồng. Bà T không nộp tạm ứng án phí do thuộc trường hợp được miễn nộp.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 2 - C;
- Phòng THADS khu vực 2 - C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Hằng